|  |  |
| --- | --- |
| ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QTKD** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

*(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày … tháng … năm 2020*

*của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)*

**Tên chương trình đào tạo:** LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo**: LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

**Mã ngành:** 7510605

**Hình thức đào tạo**: Chính quy

**Văn bằng tốt nghiệp:** Cử nhân

**Thông tin kiểm định CTĐT:** Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số: 117/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội các trường đại học cao đẳng Việt Nam.

**Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt**

**Tên khoa thực hiện CTĐT: Quản trị kinh doanh**

1. **Thời gian đào tạo:** 4 năm
2. **Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp phổ thông trung học.

## **Thang điểm, Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

* **Thang điểm**: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.
* **Quy trình đào tạo:** Theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.
* **Điều kiện tốt nghiệp:**

*Điều kiện chung*: Theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

*Điều kiện của chương trình đào tạo*: Không

1. **Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra**

## **Mục đích**

Đào tạo cử nhân trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; khả năng sáng tạo, trách nhiệm nghề nghiệp; thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có năng lực chuyên môn trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; vận dụng được những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về Logistics và Chuỗi cung ứng để phát triển hoạt động này trong các tổ chức, doanh nghiệp; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

**Mục tiêu đào tạo**

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

* 1. **Kiến thức**

Trang bị cho cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng những kiến thức khoa học xã hội cơ bản, kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn cần thiết, kiến thức tin học, ngoại ngữ để phân tích, đánh giá, thiết kế, triển khai, vận hành và cải tiến hiệu quả hệ thống Logistics và Chuỗi cung ứng tại các tổ chức, doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

* 1. **Kỹ năng**

Trang bị cho sinh viên của ngành có kỹ năng cơ bản như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng lãnh đạo, tư duy phản biện tạo tiền đề cho việc phối hợp các ngành khác để giải quyết các vấn đề liên ngành, đa lĩnh vực liên quan đến Logistics và chuỗi cung ứng nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình kinh doanh hiện nay, có năng lực làm việc tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

* 1. **Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Có phẩm chất và lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết về các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân; có hiểu biết về văn hóa - xã hội, kinh tế và pháp luật; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; có sức khỏe tốt; có ý thức học tập để nâng cao năng lực và trình độ nhằm phục vụ tốt cho sự phát triển bền vững của xã hội và cộng đồng.

## **Chuẩn đầu ra**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ký hiệu** | **Chuẩn đầu ra** | **Trình độ**  **năng lực** |
| **1** | **Kiến thức** |  |
| **1.1** | Hiểu biết các kiến thức cơ bản của khoa học xã hội như tri thức khoa học cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các đường lối chủ trương của Đảng và nhà nước, kiến thức về pháp luật, kiến thức về kinh tế chung và các quy luật của kinh tế thị trường để giải thích những vấn đề lý luận và thực tiễn trong kinh doanh. | 2 |
| **1.2** | Vận dụng kiến thức bổ trợ về luật, marketing, tài chính - kế toán, thuế để khai thác các nguồn lực và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng. | 2 |
| **1.3** | Có kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản để đáp ứng yêu cầu của công việc kinh doanh như hiểu biết cơ bản về máy tính; hiểu biết cơ bản về các ứng dụng thông dụng như word, excel, powerpoint; hiểu biết về mạng máy tính. Đạt chuẩn về trình độ tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế &QTKD. | 2 |
| **1.4** | Nắm vững kiến thức cơ sở ngành để giải thích những vấn đề lý luận và có kiến thức thực tiễn về các hoạt động trong lĩnh vực Logisitcs và Quản lý chuỗi cung ứng. | 2 |
| **1.5** | Vận dụng kiến thức chuyên sâu về Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng như: chuỗi cung ứng, hệ thống phân phối, giao nhận vận tải, quản trị chiến lược, kho vận, nghiệp vụ ngoại thương, kinh doanh xuất nhập khẩu; nghiệp vụ hải quan, bảo hiểm trong vận tải đa phương thức để quản lý điều hành, giải quyết các công việc phức tạp của kinh doanh Logistics và chuỗi cung ứng. | 3 |
| **2** | **Kỹ năng** |  |
| **2.1** | Kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực kinh doanh; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung phức tạp, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn. Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế &QTKD. | 2 |
| **2.2** | Các kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp như: Giao tiếp, ứng xử; Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng tự học và sáng tạo; Kỹ năng quản lý thời gian, làm việc có kế hoạch và khoa học. | 2 |
| **2.3** | Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh Logistics và Chuỗi cung ứng. | 2 |
| **2.4** | Kỹ năng phân tích, thiết kế, vận hành và cải tiến các hệ thống hoặc quy trình liên quan đến Logistics và chuỗi cung ứng phục vụ cho sự phát triển bền vững. | 2 |
| **2.5** | Sử dụng được các công cụ cần thiết, những thành tựu mới về khoa học công nghệ để dẫn dắt chuyên môn, phục vụ cho công việc của cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. | 2 |
| **2.6** | Kỹ năng hành chính văn phòng như: kỹ năng soạn thảo các văn bản và hồ sơ giao dịch kinh doanh cơ bản bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt; kỹ năng sử dụng thành thạo các trang thiết bị văn phòng trong các cơ sở kinh doanh. | 2 |
| **3** | **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** |  |
| **3.1** | Có năng lực làm việc độc lập, tư duy phản biện, có khả năng tự định hướng, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. | 2 |
| **3.2** | Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng làm việc trong các nhóm đa ngành, đa lĩnh vực, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, có thể chịu được áp lực công việc cao, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. | 2 |
| **3.3** | Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh doanh Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, có trách nhiệm với đơn vị công tác, cộng đồng và xã hội; ý thức tổ chức kỷ luật, trung thực, tận tâm, công bằng, minh bạch. | 2 |
| **3.4** | Tuân thủ các quy định của pháp luật và nội quy, quy chế làm việc của đơn vị công tác, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, góp phần phát triển kinh tế xã hội của đất nước. | 2 |

1. **Khối lượng kiến thức toàn khoá: 125 tín chỉ**

(Không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

## **Phân bổ khối lượng các khối kiến thức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã MP** | **Tên học phần** | **Số TC** |
|
|
| **1** | **Phần Kiến thức giáo dục đại cương*\**** | | **32** |
| **2** | **Khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** | | **83** |
| *2.1* | *Kiến thức cơ sở ngành* | | ***30*** |
| *2.2* | *Kiến thức ngành* | | ***24*** |
| *2.3* | *Kiến thức chuyên ngành* | | ***27*** |
| *2.4* | *Thực tập nghề nghiệp/môn học* | | ***2*** |
| *2.5* | *Thực tập tốt nghiệp* | | ***10*** |
|  | **Tổng toàn khóa** | | **125** |

**7. Nội dung chương trình**

***7.1. Kiến thức giáo dục đại cương***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã MP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP trước,**  **HP tiên quyết** |
| 1 | MLP123 | Triết học Mác-Lênin | 3 | 0 |
| 2 | MLE121 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin | 2 | MLP123 |
| 3 | SSO121 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | MLP123, MLE 121 |
| 4 | HCM121 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | MLP123, MLE 121, SSO121 |
| 5 | VCP 121 | Lịch sử Đảng CSVN | 2 | MLP123, MLE 121, SSO121, HCM121 |
| 6 | LAW121 | Pháp luật đại cương | 2 | 0 |
| 7 | GIF131 | Tin học đại cương | 3 | 0 |
| 8 | PST131 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | 3 | MAE131 |
| 9 | MAE131 | Toán kinh tế | 3 | 0 |
| 10 | ENG121 | Tiếng Anh 1 | 2 | 0 |
| 11 | ENG122 | Tiếng Anh 2 | 2 | ENG121 |
| 12 | ENG123 | Tiếng Anh 3 | 2 | ENG121,ENG122 |
| 13 | ENG124 | Tiếng Anh 4 | 2 | ENG121,ENG122, ENG123 |
| 14 | ENG125 | Tiếng Anh 5 | 2 | ENG121,ENG122, ENG123,ENG124 |
| 15 | PHE011 | Giáo dục thể chất 1 | 30 tiết | 0 |
| 16 | PHE012 | Giáo dục thể chất 2 | 30 tiết | PHE011 |
| 17 | PHE013 | Giáo dục thể chất 3 | 30 tiết | PHE011, PHE012 |
| 18 |  | Giáo dục quốc phòng | 5 tuần | 0 |

***7.2****.* ***Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp***

***7.2.1.******Kiến thức cơ sở ngành***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã MP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP trước,**  **HP tiên quyết** |
|  | **Bắt buộc** | | **24** |  |
| 19 | MIE231 | Kinh tế vi mô 1 | 3 | 0 |
| 20 | MAN231 | Quản trị học | 3 | 0 |
| 21 | MAE231 | Kinh tế vĩ mô 1 | 3 | 0 |
| 22 | GEM231 | Marketing căn bản | 3 | MIE231, MAE231 |
| 23 | FAM231 | Tài chính - tiền tệ | 3 | MIE231, MLP123 |
| 24 | PRS231 | Nguyên lý thống kê | 3 | PST131,MAE131 |
| 25 | ACT231 | Nguyên lý kế toán | 3 | 0 |
| 26 | DTH231 | Ra quyết định quản trị | 3 | MIE231, MAE231, GEM231 |
|  | **Tự chọn** | | **6** |  |
|  |  | ***Tổ hợp 1*** | ***3*** |  |
| 27 | ECO231 | Kinh tế lượng | 3 | PST131, MIE231, MAE231 |
| 28 | MIS231 | Hệ thống thông tin trong quản lý | 3 | 0 |
|  |  | ***Tổ hợp 2*** | ***3*** |  |
| 29 | ELA231 | Luật Kinh tế | 3 | LAW121 |
| 30 | LGS231 | Pháp luật thương mại hàng hóa và dịch vụ | 3 | LOT331 |
| 31 | LOT231 | Pháp luật về thương nhân | 3 |  |

***7.2.2. Kiến thức ngành***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã MP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP trước,**  **HP tiên quyết** |
|  | **Bắt buộc** | | **15** |  |
| 32 | FIM331 | Quản trị tài chính | 3 | MAN231 |
| 33 | HRM331 | Quản trị nhân lực | 3 | MAN231 |
| 34 | BLO331 | Logistics cơ bản | 3 | 0 |
| 35 | BAN331 | Phân tích hoạt động kinh doanh | 3 | PRS231, FAM231, GEM231, BUA331 |
| 36 | ECM331 | Thương mại điện tử | 3 | MAN231 |
|  | **Tự chọn** | | **9** |  |
|  |  | ***Tổ hợp 1*** | 3 | GEM231 |
| 37 | STT331 | Thuế | 3 | FAM231 |
| 38 | FAC 331 | Kế toán tài chính | 3 | ACT231 |
|  |  | ***Tổ hợp 2*** |  |  |
| 40 | STM331 | Quản trị chiến lược | 3 | MIE231, MAE231, GEM231, MAN231 |
| 41 | CIB331 | Giao tiếp trong kinh doanh | 3 | 0 |
|  |  | ***Tổ hợp 3*** |  |  |
| 42 | ADM331 | Quản trị hành chính văn phòng | 3 | 0 |
| 43 | CRM331 | Quản trị quan hệ khách hàng | 3 | GEM231 |

***7.2.3. Kiến thức chuyên ngành***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã MP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP trước,**  **HP tiên quyết** |
|  | **Bắt buộc** | | **15** |  |
| 44 | TPR331 | Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương | 3 | 0 |
| 45 | SCM331 | Quản trị chuỗi cung ứng | 3 | MAN231 |
| 46 | LOM331 | Quản trị Logistics | 3 | 0 |
| 47 | LMT331 | Logistics và Vận tải đa phương thức | 3 | 0 |
| 48 | PCU331 | Nghiệp vụ hải quan | 3 | 0 |
|  | **Tự chọn** | | **12** |  |
|  |  | ***Tổ hợp 1*** |  |  |
| 49 | IMA331 | Marketing quốc tế | 3 | GEM231 |
| 50 | INB331 | Kinh doanh quốc tế | 3 | MAN231 |
| 51 | ITT331 | Giao dịch thương mại quốc tế |  | 0 |
|  |  | ***Tổ hợp 2*** | 3 |  |
| 52 | ISB331 | Bảo hiểm trong kinh doanh | 3 | MIE231 |
| 53 | RME331 | Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp | 3 | MAN231 |
| 54 | MAA331 | Kế toán quản trị |  | ACT231, FAC 331 |
|  |  | ***Tổ hợp 3*** | 3 |  |
| 55 | PSM331 | Quản trị mua hàng và cung ứng | 3 |  |
| 56 | DCM331 | Quản trị kênh phân phối |  | GEM231 |
|  |  | ***Tổ hợp 4*** | 3 |  |
| 57 | MAS331 | Kỹ năng quản trị | 3 | MAN231 |
| 58 | DED331 | Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế | 3 | ECL231, LAW121 |

***7.2.4. Tốt nghiệp***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã MP** | **Tên học phần** | **Số TC** | **Mã HP trước,**  **HP tiên quyết** |
|  |  | **Khóa luận tốt nghiệp/các hp cuối khóa** | **6** |  |
|  |  | ***Tổ hợp 1*** |  |  |
| 59 | TFF331 | Vận tải và giao nhận | 3 |  |
| 60 | WAM331 | Quản trị dự trữ | 3 | MAN231, LOM331 |
|  |  | ***Tổ hợp 2*** |  |  |
| 61 | ETM331 | Quản trị doanh nghiệp | 3 | MIE231, MAE231, GEM231, MAN231 |
| 62 | ELO331 | Logistics điện tử (E-Logistics) | 3 | ECM331, BLO331 |
| 63 | SBO331 | Khởi sự kinh doanh | 3 | MIE231, MAE231, GEM231, MAN231 |

1. **Kế hoạch Đào tạo** (phụ lục)

**9. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần**

**1.****Học phần: Triết học Mác – Lênin, Mã số HP: MLP 132**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành (thảo luận): 18 tiết

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về môn học Triết học Mác – Lênin, từ đó giúp sinh viên có khả năng nắm vững những vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin: vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng; ý thức xã hội; triết học về con người. Bên cạnh đó, học phần sẽ giúp người học có khả năng phân tích các vấn đề thực tiễn của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước và trên thế giới.

**2. Học phần: Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Mã số HP: MLE121**

Số tín chỉ: 02 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành (thảo luận):12 tiết

- Môn học trước: Triết học Mác – Lênin

- Môn học tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên có khả năng hiểu, phân tích những vấn đề lý luận cơ bản như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường (KTTT); Sản xuất giá trị thặng dư ; Cạnh tranh và độc quyền trong KTTT; KTTT định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Từ đó hướng tới việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo của nhà trường.

**3. Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học, Mã số HP: SSO121**

Số tín chỉ: 02 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành (thảo luận):12 tiết

- Môn học trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin

- Môn học tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Cộng sản.

**4. Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Mã số HP: HCM 121**

Số tín chỉ: 02 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành (thảo luận): 12 tiết

- Môn học trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Môn học tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng về: vấn đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam; xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức và xây dựng con người. Qua đó giúp sinh viên chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**5. Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Mã số HP: VCP 121**

Số tín chỉ: 02 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành (thảo luận):12 tiết

- Môn học trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Môn học tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết về những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 -1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng đinh các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vao thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**6. Học phần: Pháp luật đại cương, Mã số HP: LAW121**

Số tín chỉ: 02 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành: 12tiết

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước, pháp luật và một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam trước khi người học tiếp cận với những vấn đề khác thuộc chuyên ngành đào tạo. Môn học được thiết kế gồm 2 nội dung: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật của Việt Nam. Học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích các vấn đề lý luận chung về nhà nước, pháp luật. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tế.

**7. Học phần: Tin học đại cương, Mã số HP: GIF131**

Số tín chỉ: 03 TC, Số tiết LT: 30 tiết (30 GTC), số tiết thực hành: 30 tiết (15 GTC)

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần **Tin học đại cương** trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về máy tính và Internet, phần cứng, phần mềm, hiểu rõ cách thức hoạt động cơ bản của hệ điều hành Windows, mua sắm máy tính, tự tin thuyết trình, khai thác máy tính an toàn và hiệu quả. Sau khi học xong môn này, người học có thể sử dụng thành thạo máy tính trong các công việc như soạn thảo văn bản, sử dụng bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu báo cáo khai thác và sử dụng Internet, sử dụng công cụ trình chiếu, khai thác và sử dụng các phần mềm ứng dụng khác. Qua những kiến thức rất cơ bản đã được trang bị này, sinh viên có thể tự học và áp dụng các kiến thức này vào từng công việc cụ thể sau này.

**8. Học phần: Lý thuyết xác suất thống kê, Mã số HP: PST 131**

Số tín chỉ 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành:18 tiết

- Môn học trước: Toán kinh tế

- Môn học tiên quyết: không

- Môn học song hành: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần *Lý thuyết xác suất và thống kê toán học* trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về xác suất và thống kê. Các định nghĩa cơ bản về xác suất được đưa vào chương 1. Chương 2 giới thiệu các khái niệm và các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên. Các chương 3,4,5,6 dành cho thống kê. Lý thuyết mẫu được trình bày trong chương 3. Chương 4 giới thiệu về ước lượng tham số, hai dạng ước lượng tham số là ước lượng điểm và ước lượng khoảng. Chương 5 bao gồm bài toán kiểm định giả thuyết thống kê, kiểm định tham số và một số kiểm định phi tham số thông dụng. Chương 6 dành cho bài toán phân tích tương quan và hồi quy.

**9. Học phần: Toán kinh tế,Mã số HP: MAE 131**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành:18 tiết

- Môn học trước: không

- Môn học tiên quyết: không

- Môn học song hành: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản sau: (i) Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính. Trên cơ sở kiến thức cơ bản đó, giải quyết một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế. (ii) Sinh viên được tìm hiểu những kiến thức cơ bản nhất về hàm một biến và nhiều biến cụ thể: về tính liên tục, về các đạo hàm riêng, qua đó sinh viên sẽ nghiên cứu các ứng dụng của đạo hàm trong kinh tế. Đồng thời, trang bị cho sinh viên về cực trị không có điều kiện, có điều kiện của hàm nhiều biến, nghiên cứu một số mô hình kinh tế liên quan đến cực trị của hàm nhiều biến. (iii) Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân như phương trình vi phân tuyến tính cấp 1, phương trình vi phân tuyến tính cấp 2 với hệ số hằng và một số mô hình ứng dụng của phương trình vi phân trong phân tích kinh tế.

**10. Học phần: Tiếng Anh 1,Mã số HP: ENG121**

Số tín chỉ: 2 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: không

- Môn học tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh 1 là một hợp phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường. Nội dung khoá học được thiết kế theo 4 chủ điểm thuộc các lĩnh vực từ con người, nơi chốn, và các hoạt động thường ngày Mỗi bài (Unit) được thiết kế bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế và phát triển tư duy tích cực. Mỗi bài học có những hoạt động phát triển ngôn ngữ phong phú bằng các ngữ liệu từ National Geographic Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học. Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

**11. Học phần: Tiếng Anh 2, Mã số HP: ENG122**

Số tín chỉ: 2 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: Tiếng Anh 1

- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh 1

- Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh 2 là một hợp phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường, là bước tiếp theo trên lộ trình chuẩn đầu ra về ngoại ngữ giai đoạn I theo chương trình Đề án ngoại ngữ của nhà trường. Nội dung học phần bao gồm 4 chủ điểm bao gồm đồ ăn thức uống, các chuyến đi, tiền tệ và ngoại hình con người. Mỗi bài được thiết kế đảm bảo về mặt kiến thức bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế cuộc sống cũng như nhằm phát triển kỹ năng tư duy phản biện. Không những thế, nội dung kiến thức được sắp xếp một cách khoa học đảm bảo về mặt phương pháp dạy học, cuối mỗi bài học đều có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học. Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

**12. Học phần: Tiếng Anh 3, Mã số HP: ENG123**

Số tín chỉ: 2 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: Tiếng Anh 1,2

- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh 1,2

- Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh 3 là môn học tiếp nối môn học Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2 và là một trong số các môn học bắt buộc trong chương trình giảng dạy hệ đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên. Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng ở cấp độ sơ cấp về các các lĩnh vực như từ vựng, ngữ pháp, đời sống thực, cách phát âm, kỹ năng tư duy phản biện cũng như phát triển tổng hợp 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm: Nghe, nói, đọc, viết; từ đó tạo nền tảng giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra và sử dụng tiếng Anh thành thạo trong học tập, cuộc sống và công việc trong tương lai.

**13. Học phần: Tiếng Anh 4, Mã số HP: ENG124**

Số tín chỉ: 2 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: Tiếng Anh 1,2,3

- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh 1,2,3

- Tóm tắt nội dung học phần: Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu) Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản Nghe, Nói, Đọc, Viết được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng Học phần gồm 4 bài học được ph n theo chủ điểm khác nhau như Thói quen sinhhoạt, Cuộc sống hằng ngày, Giải trí, Kì nghỉ. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát  
triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyên tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

**14. Học phần: Tiếng Anh 5, Mã số HP: ENG125**

Số tín chỉ: 2 TC, Số tiết LT: 24 tiết, số tiết thực hành: 12 tiết

- Môn học trước: Tiếng Anh 1,2,3,4

- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh 1,2,3,4

- Tóm tắt nội dung học phần: Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu). Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng. Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Cảm xúc, Giải trí và Thời trang, Du lịch và Trải nghiệm.* Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyên tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

**15. Học phần: Giáo dục thể chất 1, Mã số HP: PHEO11.**

Số tín chỉ 01 TC, Số tiết LT: 04 tiết, số tiết thực hành: 26 tiết

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: GDTC 1 là môn học bắt buộc áp dụng giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất của nhà trường. Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản nhập môn GDTC tại bậc đại học: Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung và các bài tập liên hoàn tay không và bài tập liên hoàn với gậy thể dục, kiến thức về y học thể thao...Trang bị cho sinh viên kỹ năng tự tập luyện thể thao, từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên rèn luyện sức khỏe.

**16. Học phần: Giáo dục thể chất 2, Mã số HP: PHEO12**.

Số tín chỉ 01 TC, Số tiết LT: 04 tiết, số tiết thực hành: 26 tiết

- Môn học trước: môn GDTC 1

- Môn học tiên quyết: môn GDTC 1

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần GDTC 2 là học phần giới thiệu về kỹ thuật môn học Điền Kinh (kỹ thuật chạy cự ly trung bình). Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ bản nhất của môn chạy cự ly trung bình và các kiến thức về y học thể thao, chấn thương thường gặp trong vận động thể thao. Vận dụng các kiến thức đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên.

**17. Học phần: Giáo dục thể chất 3,Mã số HP: PHEO13**

Số tín chỉ 01 TC, Số tiết LT: 04.tiết, số tiết thực hành: 26 tiết

- Môn học trước: môn GDTC 1 và GDTC 2

- Môn học tiên quyết: môn GDTC 1

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần GDTC 3 là học phần giới thiệu về kỹ thuật môn học Bóng chuyền. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ bản nhất của môn bóng chuyền. Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên hình thành thói quen vận động thường xuyên từng bước nâng cao trình độ thể thao trong sinh viên trường đại học.

**18. Học phần: Giáo dục quốc phòng**

**19. Học phần: Kinh tế học vi mô 1,Mã số HP MIE231**

- Số tín chỉ: 3 TC; Số tiết lý thuyết: 36 tiết; Số tiết thảo luận: 18 tiết

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế học vi mô 1 cung cấpcho sinh viên kiến thức về hành vi và cách thức ra quyết định của các thành viên trong nền kinh tế. Học phần bao gồm một số nội dung cơ bản về: Lý thuyết cầu - cung và cơ chế hình thành giá cả của thị trường; Tác động từ sự can thiệp của Chính phủ vào thị trường; Độ co giãn của cầu, cung và ứng dụng của các hệ số này trong thực tế; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi người sản xuất; Quyết định sản xuất của doanh nghiệp trong những thị trường khác nhau; Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động; Thất bại của thị trường và giải pháp can thiệp của Chính phủ.

**20. Học phần: Quản trị học, Mã số HP: MAN231**

Số tín chỉ 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung cơ bản của môn quản trị học gồm: Giới thiệu các vấn đề chung về quản trị, các chức năng quản trị như hoạch định, tổ chức, điểu khiển, kiểm soát và các phương pháp quản trị xung đột ... Giúp cho người học nhận thức được cơ sở khoa học của hoạt động quản trị,  vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn quản trị, chuẩn bị cho sinhviên những kiến thức cơ bản về quản trị tạo điều kiện thuận lợi để học tốt các môn học khoa học nghiệp vụ chuyên ngành như QT Marketing; QT nhân lực; QT ngân hàng; Quản lý kinh tế, Kế toán quản trị…

**21. Học phần: Kinh tế học vĩ mô 1, Mã số HP MAE231**

- Số tín chỉ: 3 TC; Số tiết lý thuyết: 36 tiết; Số tiết thảo luận: 18 tiết

- Môn học trước: Kinh tế học vi mô 1

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Kinh tế học vĩ mô 1 là môn học cơ sở của khối ngành kinh tế. Môn học giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô; sự vận hành của nền kinh tế một nước, các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản như, thu nhập quốc dân, tổng sản phẩm quốc dân, tổng cung, tổng cầu, lạm phát, thất nghiệp..., các chính sách vĩ mô của Chính phủ mỗi quốc gia như tài khoá, tiền tệ… nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ.

**22. Học phần: Marketing Căn bản, Mã số HP: GEM231**

* Số tín chỉ 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết
* Môn học tiên quyết: Kinh tế vi mô,
* Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
* Môn học song hành: không
* Tóm tắt học phần: Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Môn học giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Nắm được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.

**23.Học phần: Tài chính tiền tệ, Mã số HP:** **FAM231**

Số tín chỉ 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành:18 tiết

- Môn học trước: Kinh tế vi mô 1

- Môn học tiên quyết: Triết học Mác Lênin

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tài chính tiền tệ 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực tài chính - tiền tệ trong nền kinh tế thị trường như: Tổng quan về tiền tệ; Tổng quan về tài chính; Tài chính công; Tài chính doanh nghiệp; Tín dụng; Bảo hiểm và Tài chính quốc tế giúp sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác trong lĩnh vực kinh tế và quản lý. Đồng thời, học phần Tài chính tiền tệ trang bị kỹ năng nghề nghiệp (chuyên môn) và kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm giúp sinh viên rèn luyện các phẩm chất đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực học tập nâng cao nhận thức về lĩnh vực tài chính tiền tệ góp phần hình thành tư duy độc lập, khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế và quản lý.

**24. Học phần: Nguyên lý thống kê, Mã số HP: PRS231**

- Số tín chỉ: 3 TC; Số tiết lý thuyết: 36 tiết; Số tiết thảo luận: 18 tiết

- Môn học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán; Toán kinh tế

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấpcho người học những kiến thức cơ bản để nhận biết và mô tả được các khái niệm, quá trình nghiên cứu thống kê, hệ thống các chỉ tiêu của các vấn đề kinh tế xã hội và các phương pháp phân tích thống kê trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế.Trong quá trình học, người học sẽ hiểu, biết và thực hành quá trình nghiên cứu thống kê, vận dụng được các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin; lựa chọn phương pháp chọn mẫu phù hợp trong từng vấn đề nghiên cứu; vận dụng được các công cụ tổng hợp thống kê.

**25. Học phần: Nguyên lý kế toán, Mã số HP: ACT231**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: “Không”

- Môn học tiên quyết: “Không”

- Môn học song hành: Luật và chuẩn mực kế toán

- Tóm tắt nội dung học phần: Nguyên lý kế toán là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo cử nhân kinh tế nói chung, chuyên ngành kế toán nói riêng. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kế toán, là nền tảng khoa học của khoa học kế toán và kinh tế. Những quy định mang tính nguyên tắc chung về kế toán, đối tượng nghiên cứu và các phương pháp kế toán sử dụng để thực hiện vai trò là một trong các công cụ quản lý kinh tế đối với nhà quản lý. Học phần cung cấp cho người học có được các kỹ năng cơ bản của một người làm công tác kế toán, tập hợp, hệ thống hóa và xử lý các dữ liệu kế toán một cách cơ bản. Đồng thời, với kiến thức khoa học giúp người học tiếp tục nghiên cứu kế toán chuyên ngành, nghiên cứu sâu trong lĩnh vực kế toán tài chính.

**26.** **Học phần: Ra quyết định quản trị**, Mã số HP: DTH 231

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản

- Môn học tiên quyết: Quản trị học

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần sẽ trang bị các kiến thức cơ bản về vấn đề và quyết định trong quản trị từ đó làm cơ sở cho việc ra quyết định một cách khoa học, chính xác trong hoạt động quản trị kinh doanh.Giúp sinh viên nắm vững về những vấn đề liên quan đến việc ra quyết định như ra quyết định trong các điều kiện khác nhau, ra quyết định trong xây dựng chiến lược kinh doanh. Vận dụng linh hoạt được các kỹ năng ra quyết định trong các trường hợp cụ thể của doanh nghiệp.

**27. Học phần: Kinh tế lượng, Mã số HP: ECO231**

- Số tín chỉ: 3 TC; Số tiết lý thuyết: 36 tiết; Số tiết thảo luận: 18 tiết

- Môn học trước: Toán cao cấp, Xác suất thống kê, Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên một tập hợp những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong phân tích và dự báo liên quan đến kinh tế vĩ mô và đầu tư tài chính như lạm phát, lãi suất, tổng sản phẩm quốc dân, xây dựng danh mục đầu tư tài chính, định giá cổ phiếu, quản lý rủi ro… với sự hỗ trợ của phần mềm thống kê EVIEWS.

**28. Học phần: Hệ thống thông tin trong quản lý, Mã số HP: MIS231**

Số tín chỉ: 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận: 18 tiết

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về tổ chức thông tin và hệ thống thông tin; Cơ sở công nghệ thông tin của hệ thống thông tin. Người học hiểu các quá trình quản lý dữ liệu, viễn thông, Internet, thương mại và các hệ thống thông tin sử dụng trong doanh nghiệp. Sau khi học xong học phần này, người học có thể Phân tích, thiết kế cài đặt hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin phục vụ quản lý doanh nghiệp, xây dựng & lập kế hoạch phát triển CNTT trong doanh nghiệp.

**29. Học phần: Luật Kinh tế, Mã số HP: ELA231**

Số tín chỉ: 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Pháp luật đại cương

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thiết thực về pháp luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường như: Khái quát chung về luật kinh tế; vấn đề thành lập, tổ chức, hoạt động, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh; hợp đồng trong kinh doanh thương mại; giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại, pháp luật về phá sản; pháp luật lao động... Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để tránh được những hành vi vi phạm pháp luật khi hoạt động kinh doanh, biết lựa chọn các mô hình kinh doanh thích hợp và sử dụng các công cụ pháp lý để tiến hành kinh doanh một cách có hiệu quả và bảo vệ hữu hiệu quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

**30. Học phần: Pháp luật thương mại hàng hóa và dịch vụ, Mã số HP: LGS231**

Số tín chỉ: 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Pháp luật về thương nhân

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý về các hoạt động thương mại như: mua bán hàng hóa; cung ứng dịch vụ; các dịch vụ trung gian thương mại, xúc tiến thương mại, dịch vụ logistic, đấu giá hàng hóa, đấu thầu hàng hóa, dịch vụ... và giải quyết tranh chấp thương mại. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để phân tích, bình luận, đánh giá về các vấn đề liên quan đến các hoạt động thương mại, giải quyết các tình huống liên quan phát sinh trong thực tiễn.

**31. Học phần: Pháp luật về thương nhân, Mã số HP: LOT231**

Số tín chỉ: 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: thương nhân, hoạt động thương mại, hệ thống kiến thức về bản chất pháp lý của các loại hình doanh nghiệp và thực thể kinh doanh khác theo quy định của Luật doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để phân tích, bình luận, đánh giá về các vấn đề liên quan đến luật thương mại, giải quyết các tình huống liên quan phát sinh trong thực tiễn.

**32. Học phần: Quản trị tài chính, Mã số HP: FIM 331**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học

- Môn học tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần quản trị tài chính cung cấp cho người học các vấn đề cốt yếu về quản trị tài chính mà doanh nghiệp sẽ thực hiện để hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường như: định giá tài sản tài chính, chi phí huy động và sử dụng vốn, quy trình đánh giá, các tiêu chuẩn lựa chọn các dự án đầu tư dài hạn; xem xét cơ cấu tài chính, các chính sách tài trợ để có cơ cấu vốn tối ưu, các hoạt động quản trị vốn kinh doanh, cách xác định chi phí, doanh thu và lợi nhuận cho doanh nghiệp, các vấn đề về phân tích và hoạch định tài chính doanh nghiệp.

**33. Học phần: Quản trị nhân lực. Mã số HP: HRM 331**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học

- Môn học tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị Nhân lực sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị con người với vai trò là cá nhân, thành viên của tổ chức, doanh nghiệp và tổng hợp các giai đoạn, phương pháp quản trị nhân lực trong các doanh nghiệp, những kiến thức cơ bản và có hệ thống về quá trình quản trị nhân lực, kinh nghiệm của Việt Nam và thế giới chủ yếu là quản trị nhân lực trong các doanh nghiệp, tương ứng với 3 giai đoạn: Hình thành, sử dụng và phát triển nhân lực trong tổ chức doanh nghiệp.

**34. Học phần: Logistics cơ bản, Mã số HP: BLO331**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành:18 tiết

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học trước: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Logistics cơ bản là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về logistics và là cơ sở cho người học làm chủ công tác hoạch định quản trị dịch vụ logistics tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics, doanh nghiệp vận tải đa phương thức. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề phát sinh trong chuỗi tích hợp nhiều hoạt động kinh tế nhằm tối ưu hóa vị trí và quá trình chu chuyển, phân phối hàng hóa từ điểm đầu đến điểm cuối dây chuyền cung ứng.

**35. Học phần: Phân tích hoạt động kinh doanh,** **Mã số HP: BAN331**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành:18 tiết

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học trước: Nguyên lý thống kê, kế toán tài chính, tài chính – tiền tệ, marketing căn bản.

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành chính, là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành QTKD, phân tích tài chính nhằm giới thiệu cho sinh viên hiểu, vận dụng, phân tích ảnh hưởng của các nhân tố tới các chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp; phân tích các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng tới các yếu tố sản xuất; tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; gia tăng tiêu thụ, lợi nhuận và giải quyết vấn đề, đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong doanh nghiệp.

**36. Học phần: Thương mại điện tử, Mã số HP: ECM331**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 36 tiết

- Môn học trước: Quản trị học

- Môn học tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Thương mại điện tử đã được đưa vào là một môn học bắt buộc trong các trường đại học khối ngành kinh tế, nhằm đào tạo ra một nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực này. Ngoài ra, các bộ ngành trung ương cũng xúc tiến hoàn thiện khung pháp lý về thương mại điện tử tạo nên sự phát triển bền vững cho thương mại điện tử tại Việt Nam. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản vềthương mại điện tử, kinh doanh trên Internet, quảng cáo trên mạng, thanh toán điện tử, dịch vụ khách hàng trực tuyến, Logistics trong thương mại điện tử. Ngoài ra còn trang bị cho sinh viên kỹ năng tạo lập một hoạt động kinh doanh trên mạng cơ bản.

**37. Học phần: Thuế** , **Mã số HP:** **STT331**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Tài chính tiền tệ

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức căn bản để có khả năng tự nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, vận dụng nghiệp vụ thuế vào hoạt động quản lý thuế trong thực tiễn tại các doanh nghiệp và cơ quan thuế. Giúp cho người học có cơ sở để nâng cao năng lực tư vấn và quản lý về lĩnh vực thuế khóa. Học phần cũng giúp cho người học có một thái độ đúng đắn, quan điểm khoa học về lĩnh vực thuế, nhận thức và nắm vững các Luật thuế, thông tư, nghị định, chính sách của Chính phủ ban hành về thuế.

**38. Học phần: Kế toán tài chính (dành cho hệ ngoài ngành Kế toán), Mã số HP: FAC331**

Số tín chỉ 3TC, Số tiết LT: 15 tiết, số tiết thảo luận: 60 tiết

- Môn học trước: Nguyên lý kế toán

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kế toán tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất với các phần hành kế toán cơ bản. Nội dung của học phần gồm tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; Kế toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ; Kế toán Tài sản cố định, Kế toán Tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; Kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả tiêu thụ; báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

**39. Học phần:Quản trị chiến lược**, Mã số HP STM 331

Số tín chỉ .3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản

- Môn học tiên quyết:Quản trị học

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này giúp người học có được tư duy về định hướng của một doanh nghiệp trong quá trình phát triển, đồng thời tạo cho người học biết trình tự cũng như cách thức để xây dựng một chiến lược cho một doanh nghiệp trong một giai đoạn cụ thể. Hiểu các khái niệm về chiến lược và quản trị chiến lược. Nắm đuợc phương pháp, công cụ sử dụng và các bước công việc trong hoạch định chiến lược cho doanh nghiệp. Nhận diện được các kiểu chiến lược của doanh nghiệp. Nắm vững quy trình tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá, điều chỉnh chiến lược trong các tổ chức. Vận dụng các kiến thức đã học để hoạch định chiến lược cho một tổ chức.

**40. Học phần: Giao tiếp trong kinh doanh, Mã số HP: CIB331**

Số tín chỉ:  3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước:Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản như bản chất và các hình thức giao tiếp trong kinh doanh, môi trường giao tiếp kinh doanh, giao tiếp trong môi trường đa văn hóa, kỹ thuật soạn thảo văn bản như viết báo cáo và kế hoạch kinh doanh, viết thư, kỹ năng sử dụng Email, kỹ năng truyền tải các thông điệp thuyết phục và kỹ năng thuyết trình.

**41. Học phần**: **Quản trị hành chính văn phòng Mã số HP ADM 331**

Số tín chỉ 3TC, Số tiết LT 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học

- Môn học tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần quản trị hành chính văn phòng (HCVP) cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn phòng và quản trị HCVP tại các cơ quan, tổ chức. Bao gồm các nội dung như sau: Những vấn đề chung về văn phòng, HCVP và quản trị HCVP; quản trị thời gian, thông tin và hồ sơ; tổ chức các cuộc họp và chuyến đi công tác; thể thức và kỹ thuật soạn thảo văn bản; soạn thảo văn bản tác nghiệp hành chính; nghiệp vụ lễ tân và giao tiếp hành chính; thư tín thương mại.

**42. Học phần: Quản trị quan hệ khách hàng, Mã số HP: CRM331**

* + Số tín chỉ 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết
  + Môn học tiên quyết: Marketing căn bản
  + Môn học trước: Không
  + Môn học song hành: Không
  + Tóm tắt nội dung học phần:
  + Học phần Quản trị quan hệ khách hàng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về việc tổ chức và điều hành các hoạt động quản trị thông tin khách hàng và mối quan hệ giữa doanh nghiệp với khách hàng. Cụ thể, học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bản chất của quản trị quan hệ khách hàng, các hoạt động chủ yếu, mối quan hệ giữa quản trị quan hệ khách hàng với các hoạt động quản trị chức năng khác trong doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp các kiến thức về các hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng, quy trình lựa chọn chiến lược quản trị quan hệ khách hàng và các công việc tác nghiệp cụ thể khác như quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược quản trị.

**43. Học phần: Quản trị dự án,**  **Mã số HP: PAM331**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành:18 tiết

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học trước: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần thuộc khối kiến thức bắt buộc của ngành QTKD và tự chọn trong một số chuyên ngành khác nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về dự án, các nội dung chuyên sâu của công tác quản trị dự án như: Công tác lập kế hoạch, soạn thảo một dự án, phân tích, đánh giá hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội dự án, công tác tổ chức quản trị thời gian, tiến độ, phân phối các nguồn lực, kiểm soát và quản trị rủi ro dự án. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để có khả năng tìm kiếm và lựa chọn ý tưởng đầu tư, lập và phân tích dự án, tổ chức điều phối hoạt động dự án và xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự án thực tế, đưa ra những quyết định đúng đắn để dự án thực hiện có hiệu quả.

**44. Học phần**: **Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương, Mã số HP: TPR331**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học trước: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến lĩnh vực kinh doanh quốc tế; các nghiệp vụ giao dịch và thanh toán trên thị trường ngoại thương; các điều kiện thương mại quốc tế được áp dụng rộng rãi; các nội dung liên quan đến việc ký kết hợp đồng thương mại quốc tế và các công việc cần chuẩn bị cho một quá trình giao dịch; các nghiệp vụ, chứng từ thanh toán quốc tế và quá trình giao dịch ngoại thương giúp người học hình thành những kỹ năng cần thiết để trở thành một nhà quản lý các nghiệp vụ ngoại thương, quản lý các giao dịch kinh doanh quốc tế.

**45. Học phần: Quản trị chuỗi cung ứng**, **Mã số HP: SCM 331**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học

- Môn học tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Quản trị chuỗi cung ứng giúp các công ty tập trung vào các sự khác biệt, độc đáo so với đối thủ cạnh tranh. Quản trị chuỗi cung ứng là sự thiết kế và quản trị các quá trình gia tăng giá trị nhằm đáp ứng các yêu cầu của những khách hàng cuối cùng. Môn học cung cấp cho người học các nội dung bao gồm: Quản trị chuỗi cung ứng và chiến lược cạnh tranh; các chiến lược đáp ứng nhu cầu của khách hàng; thiết lập chuỗi cung ứng toàn cầu; đánh giá năng lực cốt lõi; quản trị quan hệ đối tác; quản trị chuỗi cung ứng dịch vụ.

**46. Học phần**: **Quản trị logistics ,Mã số HP: LOM331**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành:18 tiết

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học trước: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, tổng quan về quá trình hoạch định, thực hiện và kiểm soát một cách có hiệu quả chi phí lưu thông, dự trữ nguyên vật liệu, hàng hoá tồn kho trong quá trình sản xuất sản phẩm cùng dòng thông tin tương ứng từ điểm đầu tiên đến điểm tiêu dùng cuối cùng nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu của khách hàng, thông qua hàng loạt các hoạt động kinh tế như quản trị nhu cầu, quản trị dự trữ, quản trị kho hàng hóa, quản trị dịch vụ giao nhận hàng hóa, hệ thống thông tin logistics, và quản trị dịch vụ khách hàng.

**47. Học phần**: **Logistics và Vận tải đa phương thức , Mã số HP: LMT331**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành:18 tiết

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học trước: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Đây là học phần bắt buộc của ngành đào tạo Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về lập kế hoạch và tổ chức quá trình kinh doanh, phân tích đề ra giải pháp cải tiến nâng cao hiệu quả kinh doanh dịch vụ logistics và vận tải đa phương thức. Nội dung chủ yếu bao gồm: Nghiên cứu thị trường, phân tích xây dựng phương án kinh doanh dịch vụ logistics và vận tải; Xây dựng quy trình công nghệ, quản lý nghiệp vụ và tổ chức điều hành quá trình dịch vụ logistics và vận tải; Phân tích đánh giá, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của hệ thống dịch vụ logistics và vận tải; Phát hiện, phân tích và phản biện những vấn đề về kinh tế- kỹ thuật liên quan đến quản lý và tổ chức điều hành hệ thống kinh doanh dịch vụ logistics và vận tải.

**48. Học phần: Nghiệp vụ Hải quan**, **Mã số: PCU331**

- Số tín chỉ: 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung môn học:Môn học Nghiệp vụ hải quan là môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học kiến thức về quy trình, thủ tục khai báo hải quan đối với các loại hình xuất nhập khẩu mậu dịch, tạm nhập tái xuất, gia công, hàng dự hội chợ triển lãm, hàng viện trợ, hàng của các cơ quan ngoại giao, hàng của cư dân biên giới...; cũng như giới thiệu về quy trình nghiệp vụ kiểm tra giám sát hải quan, phương pháp xác định và áp mã tính thuế suất thuế xuất nhập khẩu và các loại thuế khác, đại lý làm thủ tục hải quan và kinh doanh dịch vụ thủ tục Hải quan Việt Nam. Bên cạnh việc đi sâu tìm hiểu về hải quan Việt Nam, môn học cũng giới thiệu về hải quan thế giới, các Công ước quốc tế và Hiệp định về hải quan.

**49. Học phần: Marketing Quốc tế, Mã số HP: IMA321**

* + Số tín chỉ 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết
  + Môn học tiên quyết: Marketing căn bản
  + Môn học trước: Không
  + Môn học song hành: Không
  + Tóm tắt nội dung học phần: Sự thành công của các doanh nghiệp này phụ thuộc vào việc áp dụng các chính sách kinh doanh của họ vào các thị trường nước ngoài. Marketing quốc tế ngày càng trở nên quan trọng và sống còn đối với các công ty trên thế giới muốn tồn tại và phát triển trong nền kinh tế đầy biến động. Nghiên cứu Marketing quốc tế sẽ trang bị các kiến thức tổng quan về marketing, những yếu tố ảnh hưởng đến môi trường marketing quốc tế, hoạt động và tổ chức chuyên sâu của marketing trong marketing quốc tế, lựa chọn thị trường, xây dựng chiến lược thâm nhập thị trường, chiến lược sản phẩm quốc tế, chiến lược giá quốc tế, chiến lược phân phối quốc tế và chiến lược xúc tiễn hỗn hợp quốc tế.Môn học giới thiệu ảnh hưởng của môi trường KD (khác biệt về văn hóa, nhu cầu và các yếu tố chính trị, xã hội…) đến các chiến lược marketing quốc tế, các khái niệm marketing được vận dụng trong marketing quốc tế, từ đó công ty điều chỉnh các yếu tố marketing - mix của mình thích ứng với thị trường nước ngoài.

**50. Học phần: Kinh doanh quốc tế**, **Mã số HP: INB 331**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học

- Môn học tiên quyết: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Kinh doanh quốc tế cung cấp cho người học các vấn đề cốt yếu về hoạt động kinh doanh quốc tế, môi trường kinh doanh quốc tế trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Các thể chế, định chế trong kinh doanh quốc tế. Cách thức triển khai hoạt động kinh doanh quốc tế trong thực tiễn, các loại hợp đồng kinh doanh quốc tế trong thực tiễn, trang bị kiến thức các yếu tố về chính tri, pháp luật và ảnh hưởng của yếu tố môi trường tới hiệu quả hoạt động kinh doanh quốc tế.

**51. Học phần: Giao dịch Thương mại Quốc tế, Mã số: ITT331**

- Số tín chỉ: 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung môn học:Giao dịch thương mại quốc tế là một nghiệp vụ quan trọng trong hoạt động thương mại quốc tế. Theo đó, người ta phải tiếp xúc, thảo luận và đàm phán để xây dựng các mối quan hệ thương mại, điều chỉnh mối quan hệ đó để đạt mục tiêu chung. Đồng thời, các bên phải thương lượng, thỏa hiệp và thuyết phục để đạt mục tiêu của mỗi bên. Quá trình giao dịch thương mại quốc tế có thể diễn ra trực tiếp hoặc gián tiếp, có thể tiến hành theo cách thức thông thường hoặc cũng có thể phải tuân thủ theo một số những quy trình đặc biệt nào đó. Môn học được xây dựng nội dung phù hợp với thực tiễn và hướng tới sự thay đổi, phát triển của thương mại quốc tế trong thời đại hội nhập kinh tế quốc tế.

**52. Học phần: Bảo hiểm trong kinh doanh, Mã số HP: ISB331**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT:36 tiết, số tiết thảo luận:18 tiết

- Môn học trước: Kinh tế vi mô 1

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Bảo hiểm trong kinh doanh tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Khái quát chung về bảo hiểm; Bảo hiểm hàng không; Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển; Bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt; Bảo hiểm xây dựng và lắp đặt; tái bảo hiểm quốc tế; Marketing trong bảo hiểm.

**53. Học phần:Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp**, **Mã số HP: RME331**

Số tín chỉ .3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học

- Môn học tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần quản trị rủi ro trong doanh nghiệp cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, cốt lõi về quản trị rủi ro kinh doanh trong doanh nghiệp như khái quát về rủi ro, hoạt động quản trị rủi ro, nhận dạng, phân tích, đo lường, kiểm soát – phòng ngừa rủi ro, tài trợ rủi ro đào tạo phát triển. Bên cạnh những chức năng, kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị rủi ro kinh doanh cũng giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm đạt đến hai mục tiêu cơ bản: nhận dạng rủi ro và kiểm soát tốt các rủi ro có thể xảy ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**54. Học phần: Kế toán quản trị, Mã số HP: MAA 331**

Số tín chỉ: 03TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thảo luận (bài tập): 18 tiết

- Môn học trước: Kế toán tài chính

- Môn học tiên quyết: Nguyên lý kế toán

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị: bản chất, chức năng và phương pháp của kế toán quản trị; phân loại chi phí; các phương pháp xác định chi phí; phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; phân bổ chi phí và phân tích báo cáo bộ phận; định giá bán sản phẩm và hoàn vốn đầu tư; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị; lập dự toán sản xuất kinh doanh.

**55. Học phần**: **Quản trị mua hàng và cung ứng*,* Mã số HP: PSM331**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành:18 tiết

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học trước: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản trị mua hàng và cung ứng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, tổng quan về vai trò và trách nhiệm của mua hàng trong tổ chức, quan hệ của mua hàng với các hoạt động khác trong chuỗi Cung ứng; hiểu rõ, xây dựng và áp dụng được chính sách, quy trình mua hàng một cách chuyên nghiệp, chặt chẽ; tổ chức phát triển nguồn hàng chiến lược, lựa chọn, đánh giá, quản lý quan hệ nhà cung cấp; thương lượng, đàm phán, quản lý hợp đồng; thiết lập mục tiêu, chỉ tiêu, phân tích đánh giá và liên tục cải thiện hoạt động của bộ phận mua hàng.

**56. Học phần: Quản trị kênh phân phối, Mã số HP: DCM331**

* + Số tín chỉ 3 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết
  + Môn học tiên quyết: Marketing căn bản
  + Môn học trước: Không
  + Môn học song hành: Không
  + Tóm tắt nội dung học phần: Hoạt động xây dựng và tổ chức kênh phân phối ngày càng được các doanh nghiệp quan tâm bởi để xây dựng được kênh phân phối hiệu quả, bền vững sẽ giúp doanh nghiệp có được lợi thế cạnh tranh trong dài hạn. Môn học cung cấp các kiến thức về hoạt động tổ chức và quản lý hệ thống kênh phân phối của các doanh nghiệp. Cùng với các học phần Quản trị giá, quản trị truyền thông, Quản trị kênh phân phối là môn học về 1 trong bốn chữ P của Marketing – các công cụ marketing dùng để tác động vào thị trường.

**57. Học phần: Kỹ năng quản trị**, **Mã số HP: MAS 331**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Quản trị học

- Môn học tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất gắn với nhiệm vụ của nhà quản trị trong điều hành các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Học xong môn này người học nắm được kiến thức và kỹ năng thực hành quản trị kinh doanh, những hành trang và kinh nghiệm giúp cho người học có thể thực hành nghiệp vụ kinh doanh ngay sau khi ra trường, đồng thời đáp ứng được sự thiếu hụt những kỹ năng và tài năng quản trị đối với các nhà quản trị mới vào nghề. Người học sẽ có khả năng đánh giá đúng khả năng của mình và biết cách làm thế nào để nâng cao kỹ năng quản trị của chính mình và cộng sự.

**58. Học phần: Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế, Mã số HP: DED321**

Số tín chỉ 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Luật kinh tế

- Môn học tiên quyết: Pháp luật đại cương

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần nghiên cứu những kiến thức cơ bản mang tính hệ thống và toàn diện bao gồm: văn bản hành chính, văn bản hợp đồng thông dụng. Đồng thời người học được trang bị kỹ thuật soạn thảo văn bản quản lý tổ chức như quyết định, nghị quyết, điều lệ, quy chế, nội quy; kỹ thuật soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại như hợp đồng mua bán hàng hóa; hợp đồng vận chuyển hàng hóa, kỹ thuật soạn thảo một số hợp đồng dân sự thông dụng như hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng cho vay tiền, hợp đồng cho thuê nhà, hợp đồng tặng cho tài sản.

**59. Học phần: Vận tải và Giao nhận**, **Mã số: TFF331**

- Số tín chỉ: 03 TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành: 18 tiết

- Môn học trước: Không

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung môn học:Vận tải là một khâu quan trọng trong quy trình thực hiện một hợp đồng ngoại thương. Vận tải và giao nhận trong ngoại thương là môn học nghiên cứu những kiến thức nghiệp vụ chủ yếu về tổ chức chuyên chở và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Các phương thức vận tải hàng hóa ngoại thương thường thông qua đường biển, đường sắt, đường hàng không, đường bộ. Cụ thể, sinh viên sẽ được học Incoterms để biết quyền vận tải thuộc nhà xuất khẩu (hay nhập khẩu); cách thức thuê các phương tiện vận tải (tàu, máy bay, xe…); quy trình xuất nhập hàng hóa; cách tính chi phí vận tải hiện nay; các luật lệ liên quan đến vận tải ngoại thương; các chứng từ thông dụng trong vận tải (Booking Note, Bill of Lading, Shipping Advice, Arrival Notice…). Ngoài ra, sinh viên được giới thiệu sơ lược các hãng tàu, hãng hàng không hiện có tại Việt Nam. Sau khi nghiên cứu các phương thức tổ chức chuyên chở hàng hóa, môn học này đề cập tới các khái niệm chung về giao nhận, đồng thời đi sâu vào nghiệp vụ giao nhận hàng hóa ngoại thương chuyên chở bằng đường biển.

**60. Học phần**: **Quản trị dự trữ,** **Mã số HP: WAM331**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành:18 tiết

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học trước: Quản trị học, Quản trị logistics

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động quản trị dự trữ của các doanh nghiệp sản xuất và thương mại trong xu hướng toàn cầu hóa. Học phần cung cấp các kiến thức tổng quát về hoạt động dự trữ và quá trình quản trị dự trữ như lập kế hoạch, tổ chức, kiểm tra, đánh giá…, đồng thời cũng giới thiệu đến sinh viên các mô hình quản trị dự trữ hiện nay cũng như cung cấp các phương pháp quản trị dự trữ để ứng dụng vào thực tế.

**61. Học phần: Quản trị doanh nghiệp**, **Mã số HP: ETM 331**

Số tín chỉ: 3 TC, Số tiết LT:54 tiết, số tiết thực hành:0 tiết

- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản

- Môn học tiên quyết: Quản trị học

- Môn học song hành: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản và tổng hợp về Quản trị doanh nghiệp từ đó làm cơ sở cho việc nghiên cứu một cách khoa học về Quản trị kinh doanh. Nắm vững các lý thuyết quản trị, các chức năng và các lĩnh vực quản trị có khả năng vận dụng vào thực tiễn quản trị doanh nghiệp. Có khả năng tổ chức các hoạt động quản trị doanh nghiệp như: Hoạch định mục tiêu, xây dựng chiến lược, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện. Có khả năng quản trị nhân sự, kỹ thuật công nghệ, quản trị chi phí và kết quả, các chính sách tài chính trong doanh nghiệp, kiểm tra kiểm soát trong doanh nghiệp

**62. Học phần**: **Logistics điện tử (E-Logistics), Mã số HP: ELO331**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 36 tiết, số tiết thực hành:18 tiết

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học trước: Thương mại điện tử, Logistics cơ bản

- Môn học song hành: Không

- Tóm tắt nội dung học phần: Với sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử, Logistics cũng dần dần được số hóa. Các doanh nghiệp hiện nay cũng đã thay đổi hình thức quản lý và triển khai Logistics theo phương thức truyền thống sang logistics điện tử (e-Logistics). Môn học nhằm cập nhật cho người học xu hướng phát triển số hóa của logistics cũng như những ứng dụng cơ bản của E-logistics trong thực tế kinh doanh hiện nay thông qua các nội dung nghiên cứu về: hạ tầng cơ sở, hậu cầu đầu ra và hậu cần đầu vào thương mại điện tử, chiến lược hậu cần thương mại điện tử.

**63. Học phần: Khởi sự Kinh doanh**,**Mã số HP: SBO 331**

Số tín chỉ: 3TC, Số tiết LT: 54 tiết, số tiết thực hành: 0 tiết

- Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản, Quản trị học

- Môn học tiên quyết: không

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần nghiên cứu về giai đoạn khởi nghiệp của doanh nhân trong đó tập trung vào nghiên cứu về phẩm chất, tư duy của người doanh nhân, thẩm định, lựa chọn ý tưởng [kinh doanh](http://tieuluan.info/nha-thuoc-ai-phong.html), lập kế hoạch, tổ chức thực hiện ý tưởng, gây dựng bộ máy nhân sự, dự trù tài chính để hình thành và vận hành doanh nghiệp

**10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập**

***10.1. Các phòng thực hành và các hệ thống thiết bị quan trọng***

Nhà trường có 4 phòng thực hành, trang bị 207 bộ máy vi tính cho người học đáp ứng tốt thực hành các học phần trong chương trình đào tạo QTKD như: Tin học đại cương, Tin học ứng dụng, Thương mại điện tử...

***10.2. Thư viện, trang Web***

Nhà trường có thư viện, nguồn học liệu, phòng đọc. Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động. Nhà trường đã trang bị một phòng máy tính với 20 máy phục vụ độc giả truy cập nguồn tài liệu điện tử của Nhà trường và của Trung tâm học liệu –Đại học Thái Nguyên.

Các website truy cập:

1. <http://tttv.tueba.edu.vn/>

2. <http://lrc.tnu.edu.vn/>

## **11. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

1. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT, ĐHTN và của Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh.
2. Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học: Theo quy định của Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh.

**12. Ngày và cấp phê duyệt lần đầu**

**-**

**-**

**13. Tiến trình cập nhật CTĐT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lần 1:** Tóm tắt nội dung cập nhật CTĐT lần 1: ngày tháng năm 2020 | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên) Trưởng Khoa: |
| **Lần 2:** Tóm tắt nội dung cập nhật CTĐT lần 2:  ngày tháng năm 2020 | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)  Trưởng Khoa: |

**TRƯỞNG KHOA**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phụ lục: Kế hoạch đào tạo** |  |
| ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QTKD** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| **NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO** | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngành: Logistics và QLCCU** | | | | **CTĐT: Logistics và QLCCU** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Mã ngành: 7510605** | | | | **Thời gian đào tạo: 4 năm** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  |  | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  |
| **TT** | **Mã HP** | **Học phần** | **Số TC** | | **Số tiết** | | | **NĂM/ HỌC KỲ** | | | | | | | | | | | | | | |
| **LT** | **TH** | | **I** | | | **II** | | | | **III** | | | | **IV** | | | |
|  |  | | **1** | **2** | | **3** | | **4** | | **5** | | **6** | | **7** | | **8** | |
| **1. Khối Kiến thức đại cương** | | | **32** | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 1 | MLP132 | Triết học Mác-Lênin | 3 | | 36 | 18 | | 3 |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 2 | MLE121 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 2 | | 24 | 12 | |  | 2 | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 3 | SSO121 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | | 24 | 12 | |  |  | |  | | 2 | |  | |  | |  | |  | |
| 4 | HCM121 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | | 24 | 12 | |  |  | |  | |  | | 2 | |  | |  | |  | |
| 5 | VCP121 | Lịch sử Đảng CSVN | 2 | | 24 | 12 | |  |  | |  | |  | |  | | 2 | |  | |  | |
| 6 | LAW121 | Pháp luật đại cương | 2 | | 24 | 12 | | 2 |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 7 | GIF131 | Tin học đại cương | 3 | | 36 | 18 | |  | 3 | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 8 | PST131 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | 3 | | 36 | 18 | | 3 |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 9 | MAE131 | Toán kinh tế | 3 | | 36 | 18 | |  | 3 | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 10 | ENG121 | Tiếng Anh 1 | 2 | | 24 | 12 | | 2 |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 11 | ENG122 | Tiếng Anh 2 | 2 | | 24 | 12 | |  | 2 | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 12 | ENG123 | Tiếng Anh 3 | 2 | | 24 | 12 | |  |  | | 2 | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 13 | ENG124 | Tiếng Anh 4 | 2 | | 24 | 12 | |  |  | |  | | 2 | |  | |  | |  | |  | |
| 14 | ENG125 | Tiếng Anh 5 | 2 | | 24 | 12 | |  |  | |  | |  | | 2 | |  | |  | |  | |
| 15 | PHE011 | Giáo dục thể chất 1 | 30 tiết | |  |  | | x |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 16 | PHE012 | Giáo dục thể chất 2 | 30 tiết | |  |  | |  | x | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 17 | PHE013 | Giáo dục thể chất 3 | 30 tiết | |  |  | |  |  | | x | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 18 |  | Giáo dục quốc phòng | 5 tuần | |  |  | |  |  | | x | |  | |  | |  | |  | |  | |
| **2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** | | | **83** | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| ***2.1*** | ***Kiến thức cơ sở ngành*** | | ***30*** | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
|  | *Bắt buộc* | | *24* | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 19 | MIE231. | Kinh tế học vi mô 1 | 3 | | 36 | 18 | | 3 |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 20 | MAN231 | Quản trị học | 3 | | 36 | 18 | | 3 |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 21 | MAE231. | Kinh tế học vĩ mô 1 | 3 | | 36 | 18 | |  | 3 | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 22 | GEM231 | Marketing căn bản | 3 | | 36 | 18 | |  | 3 | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 23 | FAM231. | Tài chính - tiền tệ | 3 | | 36 | 18 | |  |  | | 3 | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 24 | PRS231 | Nguyên lý thống kê | 3 | | 36 | 18 | |  |  | | 3 | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 25 | ACT231 | Nguyên lý kế toán | 3 | | 36 | 18 | |  |  | | 3 | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 26 | DTH231 | Ra quyết định quản trị | 3 | | 36 | 18 | |  |  | | 3 | |  | |  | |  | |  | |  | |
|  | *Tự chọn* | | **6** | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 27 |  | *Tổ hợp 1* | *3* | |  |  | |  |  | | 3 | |  | |  | |  | |  | |  | |
| ECO231 | Kinh tế lượng | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| MIS231 | Hệ thống thông tin trong quản lý | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 28 |  | *Tổ hợp 2* | *3* | |  |  | |  |  | |  | | 3 | |  | |  | |  | |  | |
| ELA231 | Luật Kinh tế | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| LOT231 | Pháp luật về thương nhân | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| LGS231 | Pháp luật thương mại hàng hóa và dịch vụ | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| ***2.2*** | ***Kiến thức ngành*** | | ***24*** | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
|  | *Bắt buộc* | | *15* | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 29 | FIM331 | Quản trị tài chính | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | | 3 | |  | |
| 30 | HRM331 | Quản trị nhân lực | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | | 3 | |  | |  | |  | |
| 31 | BLO331 | Logistics cơ bản | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | | 3 | |  | |  | |  | |  | |
| 32 | BAN331 | Phân tích hoạt động kinh doanh | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | | 3 | |  | |
| 33 | ECM331 | Thương mại điện tử | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | | 3 | |  | |  | |  | |  | |
|  | *Tự chọn* | | *9* | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 34 |  | *Tổ hợp 1* |  | |  |  | |  |  | |  | | 3 | |  | |  | |  | |  | |
| STT331 | Thuế | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| FAC331 | Kế toán tài chính | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 35 |  | *Tổ hợp 2* |  | |  |  | |  |  | |  | |  | | 3 | |  | |  | |  | |
| STM331 | Quản trị chiến lược | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| CIB331 | Giao tiếp trong kinh doanh | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 36 |  | *Tổ hợp 3* |  | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | | 3 | |  | |  | |
| ADM331 | Quản trị hành chính văn phòng | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| CRM331 | Quản trị quan hệ khách hàng | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| PAM331 | Quản trị dự án | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| ***2.3*** | ***Kiến thức chuyên ngành*** | | ***27*** | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
|  | *Bắt buộc* | | *15* | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 37 | TPR331 | Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | | 3 | |  | |
| 38 | SCM331 | Quản trị chuỗi cung ứng | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | | 3 | |  | |  | |
| 39 | LOM331 | Quản trị Logistics | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | | 3 | |  | |
| 40 | LMT331 | Logistics và Vận tải đa phương thức | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | | 3 | |  | |  | |  | |
| 41 | PCU331 | Nghiệp vụ hải quan | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | | 3 | |  | |
|  | *Tự chọn* | | **12** | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 42 |  | *Tổ hợp 1* |  | |  |  | |  |  | |  | |  | | 3 | |  | |  | |  | |
| IMA331 | Marketing quốc tế | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| INB331 | Kinh doanh quốc tế | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| INT331 | Giao dịch thương mại quốc tế | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 43 |  | *Tổ hợp 2* |  | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | | 3 | |  | |  | |
| ISB331 | Bảo hiểm trong kinh doanh | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| RME331 | Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| MAA331 | Kế toán quản trị | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 44 |  | *Tổ hợp 3* |  | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| PSM331 | Quản trị mua hàng và cung ứng | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | | 3 | |  | |  | |
| DCM331 | Quản trị kênh phân phối | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 45 |  | *Tổ hợp 4* |  | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | |  | | 3 | |  | |
| MAS331 | Kỹ năng quản trị | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| DED331 | Soạn thảo văn bản quản lý kinh tế | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| ***2.4*** | ***PSL421*** | ***Thực tập môn học ngành Logistics và QLCCU*** | ***2*** | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | | *2* | |  | |  | |
| ***2.5*** | ***UIL441*** | ***Thực tập tốt nghiêp ngành Logistics và QLCCU*** | ***4*** | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | | *4* | |
| ***2.6*** | ***UTL961*** | ***KLTN/Tự chọn thay thế khóa luận*** | ***6*** | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | | *6* | |
| 46 |  | *Tổ hợp 1* |  | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | | x | |
| TFF331 | Vận tải và giao nhận | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| WAM331 | Quản trị dự trữ | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| 47 |  | *Tổ hợp 2* |  | |  |  | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | | x | |
| ETM331 | Quản trị doanh nghiệp | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| ELO331 | Logistics điện tử (E-Logistics) | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| SBO331 | Khởi sự kinh doanh | 3 | | 36 | 18 | |  |  | |  | |  | |  | |  | |  | |
| **Tổng tín chỉ toàn khóa** | | | **125** | |  |  | | **16** | **16** | | **17** | | **16** | | **16** | | **16** | | **18** | | **10** | |
| *Ghi chú: Các học phần Thực tập môn học bao gồm: Logistics cơ bản, Quản trị chuỗi cung ứng, Logistics và Vận tải đa phương thức* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

*\* Trong các học phần (HP) tự chọn của các khối kiến thức sẽ chia thành các tổ hợp,các HP tự chọn của mỗi tổ hợp đảm bảo tính tương đồng về kiến thức, kỹ năng, năng lực và cùng đáp ứng một số CĐR của CTĐT.*

*- 6 tín chỉ tự chọn khối kiến cơ sở ngành chia các HP thành 02 tổ hợp, mỗi tổ hợp sinh viên chọn 01 HP để đăng ký học.*

*- 9 tín chỉ tự chọn khối kiến ngành chia các HP thành 03 tổ hợp, mỗi tổ hợp sinh viên chọn 01 HP để đăng ký học.*

*- 12 tín chỉ tự chọn khối kiến chuyên ngành chia các HP thành 04 tổ hợp, mỗi tổ hợp sinh viên chọn 01 HP để đăng ký học.*

*- 6 tín chỉ tự chọn cuối khóa chia các HP thành 02 tổ hợp, mỗi tổ hợp sinh viên chọn 01 HP để đăng ký học.*

*Thái Nguyên, ngày .... tháng ... năm 2020*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TRƯỞNG KHOA** |